

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TIỂU LUẬN

HP: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

cuu duong than cong. com

Đề tài: *Bản chất và vai trò của các
công ty xuyên quốc gia*

cuu duong than cong. com

MỞ ĐẦU

Kinh tế chính trị là một môn khoa học xã hội, lịch sử hình thành và phát triển môn kinh tế chính trị cho thấy những nhận thức khác nhau về đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị. Chủ nghĩa trọng thương cho rằng đối tượng nghiên cứu của môn kinh tế chính trị là lĩnh vực lưu thông mà chủ yếu là ngoại thương. Những quy luật kinh tế đã chi phối trực tiếp đến nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Quan niệm của chủ nghĩa Mác về đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị: kinh tế chính trị học theo nghĩa rộng nhất là khoa học về những quy luật chi phối sự sản xuất và sự trao đổi những tư liệu sinh hoạt trong xã hội. phương pháp của kinh tế chính trị sử dụng phép duy vật biện chứng và những phương pháp khoa học chung như mô hình hoá các quá trình xây dựng các giả thiết... Kinh tế chính trị có chức năng rất quan trọng trong nhận thức, tư tưởng đồng thời nó cũng có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội. Trong công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay, nghiên cứu kinh tế chính trị góp phần hình thành những tư duy kinh tế mới. Nước ta là một nước đang phát triển còn rất lạc hậu so với những nước trong khu vực đối với ngành kinh tế chưa có những chính sách hợp lý nên chưa thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Một trong những nguồn vốn đầu tư quan trọng là từ các công ty độc quyền hay là các công ty xuyên quốc gia.

Chính vì thế em chọn đề tài nghiên cứu về các công ty xuyên quốc gia, để thấy rõ “BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CÔNG TY XUYỀN QUỐC GIA” “trong việc phát triển nền kinh tế.

cuu duong than cong. com

NỘI DUNG CHÍNH

I. NGUỒN GỐC RA ĐỜI, BẢN CHẤT VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC CÔNG TY XUYỀN QUỐC GIA (TNC)

1. Nguồn gốc ra đời

Trong quá trình phát triển của lịch sử sự ra đời của các TNC trên thế giới gắn liền với sự ra đời và phát triển của sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Đó là sự phát triển cao của chế độ tư bản chủ nghĩa là sự vận động sâu sắc của các quan hệ sản xuất tbcn. Khi các mối quan hệ kinh tế vượt dần ra khỏi phạm vi quốc gia và gia nhập vào guồng máy sản xuất kinh doanh quốc tế ngày càng được phát triển. Hai nhà nghiên cứu Mác và Ăngghen khi nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã dự đoán tích tụ và tập trung cơ bản thông qua hiệp tác giản đơn và công trường thủ công cùng với sự phân công lao động ngày càng hoàn thiện tất yếu sẽ dẫn đến sự ra đời những xí nghiệp tư bản chủ nghĩa có quy mô lớn và sự cạnh tranh của những xí nghiệp này càng trở nên gay gắt. Sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp tất yếu sẽ đưa đến kết quả là các xí nghiệp nhỏ và vừa bị phá sản hoặc bị sát nhập với nhau để trở thành những xí nghiệp lớn hơn. Chế độ xí nghiệp là chế độ điển hình sinh ra trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Khởi đầu xí nghiệp ra đời bằng con đường công trường thủ công nhờ sự kết hợp lao động một khi lao động đã liên kết theo một hình thức nào đó sẽ tạo điều kiện cho việc sáng tạo ra máy móc và hợp thành hệ thống sản xuất bằng máy móc chế độ xí nghiệp đã có được cơ sở vững chắc về kỹ thuật. Với chế độ tự do cạnh tranh của thị trường đã điều tiết sự phân công và trao đổi của xã hội xí nghiệp và nhà máy cũng nhanh chóng trở thành hình thức tổ chức sản xuất điển hình để tổ chức sự phân công lao động xã hội. Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất chế độ xí nghiệp nhà máy đã mở rộng phạm vi lĩnh vực phân công xã hội từ nội bộ quốc gia sang địa bàn quốc tế. Và do vậy phân công lao động và trao đổi quốc tế về nguyên vật liệu bán thành phẩm và sản xuất giữa các nước ngày càng phát triển.

2. Quá trình phát triển và bản chất của các công ty xuyên quốc gia

Tự do cạnh tranh không chỉ làm cho quá trình tích tụ và tập trung sản xuất tăng lên mà còn là nguyên nhân cho sự ra đời của nền sản xuất dựa trên máy móc và theo đó chế độ xí nghiệp TBCN xuất hiện và ngày càng hoàn thiện. Chế độ xí nghiệp

ra đòi thúc đẩy phân công lao động mở rộng từ nội bộ quốc gia sang địa bàn quốc tế đã làm cho tích tụ và tập trung tư bản sản xuất tăng lên cao và theo đó các tổ chức độc quyền bắt đầu xuất hiện. C.Mác và Ph.Ăngghen cũng đã khẳng định rằng độc quyền sinh ra từ tự do cạnh tranh nhưng không phủ định nó. Một trong những nhân tố thúc đẩy quá trình tập trung tư bản đó là tín dụng. C.Mác đã nói: Là cơ sở chủ yếu của việc chuyển hoá dần dần những xí nghiệp tư nhân TBCN thành những công ty cổ phần tư bản chủ nghĩa chế độ tín dụng đồng thời cũng là một phương tiện để mở rộng dần các xí nghiệp hợp tác tới một phạm vi toàn quốc ít nhiều rộng lớn. Một đặc trưng nổi bật trong giai đoạn độc quyền là sự cùng tồn tại đan xen nhau giữa độc quyền quốc gia và quốc tế. Cùng với sự phát triển quan hệ quốc tế làm cho các công ty tư bản liên minh với nhau sản xuất và phân phối hàng hoá trên thị trường thế giới đã hình thành nên các công ty độc quyền quốc tế. Khi nghiên cứu sự hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế nói chung và các tổ chức độc quyền quốc tế xuyên quốc gia nói riêng phải xuất phát từ sự tích tụ và tập trung sản xuất. Tích tụ và tập trung sản xuất đạt đến một mức độ nhất định làm cho các nhà độc quyền quốc gia vươn ra khỏi biên giới quốc gia hoạt động trên phạm vi quốc tế thực hiện phân chia thế giới về mặt kinh tế. Tập trung sản xuất có bước phát triển mới thì xuất khẩu tư bản cũng được đẩy mạnh và trở thành cơ sở kinh tế quan trọng của sự mở rộng phạm vi hoạt động quốc tế của các công ty xuyên quốc gia. Một điểm đáng chú ý trong tiến trình phát triển của các công ty xuyên quốc gia là sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mỹ từ nửa sau của thế kỷ XIX và càng ngày càng trở thành một trung tâm sức mạnh kinh tế của thế giới. Cùng với sự phát triển của các xí nghiệp công thương hiện đại chế độ xí nghiệp của Mỹ cũng đã được mở rộng sang Tây Âu và Nhật Bản. Khi phạm vi địa lý của sự phân công nội bộ xí nghiệp công thương hiện đại vượt quá biên giới quốc gia thì tnc hình thành. TNC là một cơ cấu kinh doanh quốc tế dựa trên sự kết hợp giữa quá trình sản xuất quy mô lớn của nhiều thực thể kinh doanh quốc tế và quá trình phân phối quy mô quốc tế vào trong một cơ cấu công ty đơn nhất nhằm chiếm lĩnh và khai thác thị trường quốc tế đạt hiệu quả tối ưu để thu lợi nhuận độc quyền cao. TNC được hình thành trực tiếp trên cơ sở xí nghiệp công thương hiện đại, khi các xí nghiệp công thương hiện đại hưng thịnh chúng đã bắt đầu ngay vào việc đầu tư ra nước ngoài để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hoặc sản xuất và tìm mua nguyên liệu. Từ thập kỷ 60 lại đây dưới tác động

của sự bùng nổ cách mạng khoa học kỹ thuật và khoa học công nghệ tnc đã phát triển nhanh chóng.TNC đã điều chỉnh các hoạt động kinh doanh xây dựng hệ thống phân công quốc tế kết hợp liên kết theo chiều ngang và dọc trong nội bộ công ty cơ cấu tổ chức toàn cầu của tnc tương ứng ra đời.Từ những điều nêu trên ta có 3 giai đoạn quá trình phát triển của các công ty xuyên quốc gia đi từ tích tụ và tập trung sản xuất hình thành các công ty công ty cổ phần các công ty kinh doanh trong ngành công thương...

Một là quá trình tích tụ và tập trung sản xuất diễn ra song song với quá trình tích tụ quyền lực kinh tế tích tụ và tập trung sản xuất tạo ra những công ty cực lớn bao gồm trong đó rất nhiều công ty và người ta cũng gọi đó là những tập đoàn với công ty mẹ đứng đầu và các công ty con.Chúng còn được gọi là các công ty nhỏ và vừa chúng phụ thuộc về tài chính kỹ thuật vào công ty mẹ.Ở một số nước tư bản chủ nghĩa số xí nghiệp nhỏ và vừa chiếm đến 70 - 80% tổng số các xí nghiệp. Sự thâm tóm các xí nghiệp nhỏ và vừa thực hiện kiểm soát tài chính kỹ thuật đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho tư bản sinh lợi.Nhưng về mặt tổ chức sản xuất hình thức này tổ tính hiệu quả cao giảm được chi phí sản xuất tận dụng được mọi khả năng nguyên liệu phát huy tính năng động sáng tạo do đó làm tăng quy mô và tỷ suất lợi nhuận.

Hai là quá trình tích tụ sản xuất cũng dẫn đến sự hình thành các tổ chức độc quyền.Độc quyền hiện đại mang nhiều dấu ấn của thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại.Hoạt động R&D cũng như chuyển giao công nghệ là thế mạnh của công ty xuyên quốc gia cùng với mạng lưới thị trường rộng khắp thế giới.ba là quá trình tích tụ sản xuất trong nông nghiệp ngày càng đẩy mạnh đưa đến việc xuất hiện các hình thức công ty liên hợp nông công nghiệp nông thương nghiệp. Quá trình tích tụ sản xuất trong nông nghiệp cùng với sự tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã đưa đến hiện tượng cấu tạo hữu cơ tăng lên và giảm ý nghĩa của địa tô tuyệt đối tạo ra mối liên hệ ngày càng tăng giữa công nông nghiệp đẩy mạnh xu hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu lao động cũng như trong tổng sản phẩm quốc dân. Điều này cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp đã có tác động trở lại thúc đẩy nông nghiệp phát triển và để toàn bộ nền kinh tế có thể phát triển mạnh trong cạnh tranh nền nông nghiệp cũng phải có khả năng cạnh tranh

cao. Qua những nhận xét trên cho thấy rằng quá trình tích tụ tư bản và tập trung sản xuất lâu dài đã dẫn đến sự hình thành các công ty xuyên quốc gia.

Bản chất:

Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất tư bản đã dẫn đến sự biến đổi quan trọng về lượng và chất trong các mặt quan hệ sản xuất mà khâu quan trọng nhất là các quan hệ sở hữu. Khi nghiên cứu về bản chất của các công ty xuyên quốc gia trên thế giới cần phải đi từ những vấn đề này. Vì đây là bản chất đặc trưng của công ty xuyên quốc gia

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở các nước tư bản phát triển có thể quan sát thấy nền sản xuất tbcn có sự phát triển.

II. VAI TRÒ CỦA CÁC CÔNG TY XUYỀN QUỐC GIA

Các công ty xuyên quốc gia đã có những tác động to lớn đến sự phát triển của kkinh tế thế giới nói chung cũng như các nền kinh tế thế giới của từng quốc gia nói riêng. Đồng thời các công ty xuyên quốc gia cũng có tác động tích cực đến hoạt động thương mại đầu tư chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

1. Thúc đẩy thương mại thế giới

Một trong những vai trò nổi bật của tnc là thúc đẩy thương mại quốc tế. Thật vậy tổng giá trị thương mại của các chi nhánh TNC ở nước ngoài đã tăng 8% bình quân hàng năm trong giai đoạn 1982-1994. Sản phẩm phần lớn tập trung vào hàng chế tạo và hướng về xuất khẩu. Vào giữa thập kỷ 90 giá trị thương mại của các chi nhánh tnc ở nước ngoài đã lớn hơn giá trị nhập khẩu của các khu vực Nam, Đông và Đông Nam Á.

Các khu vực	Giá trị thương mại của các chi nhánh TNC ở nước ngoài		Tỷ lệ so với giá trị nhập khẩu	
	1982	1994	1982	1994
Các nước phát triển	1770	4528	1.19	1.28
Tây Âu	787	2513	0.88	1.22
Eu	719	2338	0.86	1.21
Các nước Tây Âu khác	68	175	1.18	1.42
Bắc Mỹ	777	1616	2.10	1.63
Các nước khác	206	398	0.93	0.83
Các nước đang phát triển	656	1832	1.05	1.47
Châu Phi	66	132	0.66	1.22

Mỹ La Tinh và caribê	257	666	2.50	2.87
Châu Âu	2	3	0.10	0.22
Châu Á	326	1022	0.85	1.14
Tây Á	133	150	0.85	0.93
Trung Á	...	2	...	...
Nam, Đông và Đông Nam Á	193	871	0.85	1.18
Thái Bình Dương	5	8	1.93	1.86
Các nước Trung và Đông Âu	0.5	52	0.01	1.30
Toàn thế giới	2426	6412	1.12	1.30

Từ bảng trên cho thấy giá trị thương mại của các chi nhánh TNC đã tăng nhanh ở các khu vực trên thế giới. Điều này đã nói lên rằng các tnc đã đóng vai trò rất to lớn đối với thúc đẩy thương mại thế giới. Trao đổi giữa các chi nhánh trong nội bộ TNC ở các nước ngày càng tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị thương mại của nhiều nước. Trong những năm gần đây với chiến lược đa quốc gia và tạo ra các liên kết giữa thương mại và đầu tư các công ty mẹ thường chuyển giao trực tiếp các công nghệ nguyên liệu và dịch vụ cho các chi nhánh của mình ở nước ngoài. do vậy tỷ lệ xuất khẩu trong tổng giá trị sản lượng của các chi nhánh TNC ở nước ngoài tăng nhanh. Tuy nhiên trao đổi giữa các chi nhánh của tnc thường đi cùng với giá chuyển giao tức là giá cả không dựa trên quan hệ cung cầu mà là giá thoả thuận giữa các chi nhánh trong cùng một TNC, điều này đã làm thiệt hại đến nước chủ nhà. Đây là vấn đề cần phải được quan tâm đối với những nước đang phát triển. Như vậy vai trò của TNC đối với thúc đẩy thương mại thế giới là tỷ trọng trao đổi của các tnc ngày càng lớn trong tổng giá trị thương mại thế giới ,tăng cường kiểm soát để hạn chế TNC sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh như giá chuyển giao và giá độc quyền, khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu với các khuyến khích đầu tư và phát triển dịch vụ trong thu hút TNC.

2. Thúc đẩy đầu tư nước ngoài

Thực tế hầu hết các hoạt động đầu tư nước ngoài đều thực hiện qua kênh TNC. Với lợi thế của mình về nhiều vốn kỹ thuật hiện đại quản lý tiên tiến và mạng lưới thị trường rộng lớn các tnc luôn tích cực đầu tư ra nước ngoài nhằm tối đa hoá lợi nhuận trên phạm vi toàn cầu.

	TB 1985- 1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Thế giới	141930	158936	173761	218094	238738	316524	349227
Các nước phát triển	116744	114792	119692	138762	142395	205876	208226
Các nước đang p. triển	24736	41696	49625	73045	90462	96330	128141
Nam, Đông và Đông Nam Á	12357	21228	27668	47278	55718	65175	81214
Việt Nam	30	229	385	523	742	2000	2156
Thái Lan	1017	2014	2114	1730	1322	2003	2426
Xingapo	2952	4887	2204	4686	5480	6912	9440
Philippin	413	544	228	1238	1591	1478	1408
Mianma	28	238	171	149	91	115	100
Malaixia	4054	3998	5183	5006	4342	4132	5300
Indônêxia	551	1482	1777	2004	2109	4348	7960
Campuchia			33	54	69	151	350
Brunây		1	4	14	6	7	9
Lào	2	7	8	30	59	88	104
Trung Quốc	2654	4366	11156	27515	33787	35849	42300

Nguồn đầu tư chính ra nước ngoài là các nước phát triển, trước hết là các nước G-7 và một số nước châu Âu. FDI chiếm một tỷ trọng rất lớn trong GDP của các nước. Năm 1996 tỷ trọng FDI vào và ra trong GDP thế giới chiếm 10,6% và 10,8% đối với các Nam và Đông Nam Á tỷ trọng đó là 15,8% và 8,1% đối với Việt Nam tỷ trọng FDI vào trong GDP rất lớn chiếm tới 40,2%. Trong những năm gần đây với tốc độ phát triển mạnh mẽ của mạng lưới các chi nhánh TNC đã tăng nhanh hình thức sát nhập và mua lại hơn là hình thức xây dựng doanh nghiệp mới để mở rộng đầu tư ra thị trường ngoài nước, xu hướng gia tăng việc sát nhập và thôn tính các công ty ngoại quốc của TNC trong đó chủ yếu ở Mỹ và Tây Âu là một trong những nguyên nhân quan trọng gây bùng nổ đầu tư nước ngoài. Cơ cấu dòng vốn đầu tư nước ngoài đã thay đổi lớn do điều chỉnh chiến lược kinh doanh của TNC. Với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính quốc tế hình thức đầu tư gián tiếp ngày càng gia

tăng.TNC thúc đẩy nhanh tiến trình tự do hoá đầu tư nước ngoài thông qua tham gia sâu rộng vào quá trình quốc tế hoá sản xuất.Nhờ mở rộng chính sách tự do hoá trong những năm gần đây FDI đã tăng lên nhanh chóng.TNC ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với thúc đẩy dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển.từ giữa thập kỷ 80 cơ cấu đầu tư giữa các khu vực của TNC ở các nước đang phát triển có sự thay đổi đáng kể theo chiều hướng tăng mạnh vào các nước đang phát triển Châu Á và giảm dần vào các nước Mỹ La Tinh và Caribê.Những nước đang phát triển đã thu hút được lượng đầu tư FDI rất lớn ví dụ như Trung Quốc đã thu hút được tới hơn 42 tỷ USD năm 1996 và 45,5 tỷ USD năm 1998.Nhưng những năm gần đây nền kinh tế của các nước Mỹ-Latinhvà Caribê có sự phục hồi nhanh nên TNC đã tăng đáng kể đầu tư vào các nước này.

3. Phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm

TNC đã tác động rất lớn đến phát triển nguồn lực lao động theo hai cách trực tiếp và gián tiếp. Cách trực tiếp là thông qua các dự án đầu tư,TNC đào tạo lực lượng lao động địa phương để phục vụ cho nhu cầu hoạt động của dự án.Trong khi đó cách gián tiếp là tạo ra các cơ hội động lực cho sự phát triển của lực lượng lao động theo đuổi mục tiêu thu nhập cao. Ở các nước đang phát triển các tác động này có vai trò rất lớn đối với phát triển nguồn lực lao động đặc biệt là đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao năng suất lao động ở các nước này.Các TNC vừa và nhỏ cũng có vai trò quan trọng đối với đào tạo việc làm. Ở Việt Nam vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu do TNC thực hiện là một nguồn vốn quan trọng để tiến hành công nghiệp hoá đất nước.Với các nước đang phát triển việc thu hút FDI là rất quan trọng, muốn vậy cần phải có những chính sách xây dựng thu hút FDI vì tnc tác động thúc đẩy tích cực dòng FDI vào các nước đang phát triển phụ thuộc quan trọng vào chính sách và môi trường của nước đó. Các TNC thường có các hoạt động trợ giúp tài chính cho các chương trình nghiên cứu và đào tạo nghề, quản lý,cung cấp các thiết bị khoa học cho các trường đại học viện nghiên cứu, xây dựng các trung tâm đào tạo quản lý và đồng thời cũng phát triển cả hình thức đào tạo từ xa.TNC đã tạo được khoảng 45 triệu lao động vào giữa những năm 1970 và 10 năm sau đạt được gần 65 triệu lao động con số này tăng lên đến 70 triệu vào giữa những năm của thập kỷ 90. Nhưng nhìn chung TNC thường tạo việc làm ở các ngành công nghiệp và dịch vụ hơn là trong ngành

nông nghiệp và các ngành khác. Điều đó đã phản ánh đặc điểm của tnc chủ yếu đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Một số việc làm được tạo ra một cách gián tiếp thông qua các liên kết kinh tế cung cấp dịch vụ của các công ty nội địa. Nếu tính số việc làm được tạo ra một cách trực tiếp và gián tiếp thì ước tính TNC đã tạo ra khoảng 150 triệu lao động và phần lớn số lao động này làm việc trong các ngành công nghiệp và dịch vụ. Đây là đội ngũ lao động quan trọng để phát triển nguồn lực lao động của nền kinh tế thế giới nhất là các nước đang phát triển. Phần lớn trong số khoảng 1/3 tổng việc làm tạo ra bởi TNC ở các nước đang phát triển đã tập trung vào các nước châu Á và một số nước châu Mỹ Latinh trong những năm gần đây phần lớn số việc làm được tạo ra bởi các TNC ở các nước đang phát triển thuộc về Trung Quốc. Nguyên nhân quan trọng là nhiều tnc đầu tư vào Trung Quốc là do có những hình thức mới thu hút được vốn đầu tư. Từ những kết quả phân tích trên thấy rõ ràng TNC có vai trò rất lớn đối với phát triển nguồn lực và tạo việc làm trong nền kinh tế thế giới trong đó đặc biệt quan trọng đối với các nước đang phát triển. Tuy nhiên vai trò này còn phụ thuộc rất lớn vào điều kiện lĩnh vực đầu tư của nước chủ nhà và chiến lược cạnh tranh của các TNC.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY XUYỀN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM

1. Đặc điểm hoạt động của các công ty xuyên quốc gia

a. Các TNC ở Việt Nam có nguồn gốc từ nhiều nước nhưng phổ biến là từ các nước đang phát triển.

Thực tiễn hoạt động của các tnc trên thế giới đã cho thấy 90% số công ty có nguồn gốc từ một nước. Do đó căn cứ vào danh sách tên các quốc gia lãnh thổ có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam chúng ta có thể nhận diện một cách đầy đủ nguồn gốc của các TNC. Từ năm 88-97 phần đầu tư của các TNC Đông Á chiếm tới 64,8% trong số 10 nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Năm 1998, kinh tế Đông Á lâm vào khủng hoảng tài chính tiền tệ thì mức này vẫn chiếm tới 44,9% và năm 1999 sau sự phục hồi của các nền kinh tế Đông Á mức này đã tăng trở lại với mức 60,4%. Trong số các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam thì các nhà đầu tư thuộc Asean chiếm 24,56%. Như vậy vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam có nguồn gốc chủ yếu là các nền kinh tế châu Á. Các TNC châu Á với phần lớn là các nền kinh tế đang phát triển và hầu hết các nước này đều chịu sự tác

động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 sự khó khăn của các tnc này đã kéo theo sự thu hẹp các khoản đầu tư mới cũng như sự trì trệ trong việc thực hiện số vốn đầu tư đã cam kết. Cũng vì thế tuy tổng mức vốn cam kết đầu tư của các TNC ở châu Á là rất lớn song mức vốn thực hiện lại rất thấp thường chỉ đạt bình quân 20% trong khi mức thực hiện này từ các TNC Âu-Mỹ thường đạt từ 38-70% thậm chí có công ty đạt trên mức vốn đã cam kết. Có nhiều lý do liên quan đến vấn đề này trong đó năng lực tài chính yếu kém và công nghệ kỹ thuật luôn là những vấn đề nổi cộm từ các TNC thuộc các nước đang phát triển hoặc các tnc đầu tư vào Việt Nam không xuất phát từ công ty mẹ mà là từ các công ty thuộc thể hệ thứ hai nghĩa là từ các công ty chi nhánh ở nước thứ hai đầu tư vào nước thứ ba. Phản ánh một thực tế mới của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động toàn cầu trong nội bộ các tnc hiện nay. Do quy mô không lớn và trình độ công nghệ không cao những công ty này thâm nhập vào Việt Nam theo một chiến lược kinh doanh đa dạng hoá do công ty mẹ điều chỉnh nhằm hoặc để chuyển một phần năng lực sản xuất thừa sang khu vực lãnh thổ khác hoặc phân tán rủi ro giảm bớt tổn thất kinh doanh hoặc thừa hành các nhánh theo hiệu ứng làn sóng trong chuyển dịch cơ cấu để tận dụng các lợi thế so sánh ở nước đối tác nhằm đảm bảo chắc chắn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Một lý do khác các tnc châu Á luôn coi thị trường Đông Nam Á trong đó có Việt Nam là thị trường truyền thống của họ do đó sự phổ biến của các TNC châu Á ở Việt Nam là điều dễ hiểu. Đây chính là đặc điểm bao quát các TNC châu Á và các doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong xử lý các quan hệ lợi ích khi hai bên đều rất hiểu nhau do gần gũi nhau về địa lý, về văn hóa chính trị về kinh tế. Ở đây trong hoạt động của các tnc còn hàm chứa rất nhiều những vấn đề tế nhị về phương diện kinh tế và chính trị.

b. Các công ty xuyên quốc gia hoạt động ở Việt Nam phần lớn đều thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong 500 tập đoàn lớn nhất được bình chọn hàng năm, ở Việt Nam cho đến nay mới chỉ có 10% trong số đó có dự án đầu tư và thiết lập các quan hệ giao thương hàng hoá dịch vụ và công nghệ. Hiện trạng này còn nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan thứ nhất là lợi thế so sánh chủ yếu của Việt Nam hiện tại chủ yếu là lao động rẻ nguyên liệu rẻ và thị trường rộng lớn những ngành sản xuất tận dụng các lợi thế này chủ yếu là những ngành sử dụng nhiều lao động và công

nghệ chuyển giao thường không cao. Trong điều kiện toàn cầu hoá khi lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế đã chuyển trọng tâm sang cho các ngành đòi hỏi có hàm lượng cao về công nghệ và chi thức thì theo logic của sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế toàn cầu phần xâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam chủ yếu thuộc về các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thứ hai như trên đã phân tích phần đầu tư và chu chuyển thương mại ở Việt Nam được thực hiện chủ yếu bởi các TNC châu Á. Thứ ba sự yếu kém về hạ tầng cơ sở về môi trường đầu tư về năng lực và thẩm định dự án đầu tư của phía Việt Nam đang có nhiều bất cập so với yêu cầu đòi hỏi từ các phía đối tác nước ngoài là các tập đoàn xuyên quốc gia lớn. Thứ tư cho đến nay Việt Nam mới đang ở những bước đầu tiên của tiến trình hội nhập quốc tế.

c. Việt Nam đã thu hút TNC vào hầu hết các lĩnh vực kinh tế xã hội trong đó lĩnh vực công nghệ khai thác và lĩnh vực khách sạn du lịch được coi là địa bàn hấp dẫn và thu hút nhiều nhất các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đầu năm 1999, Việt Nam đã cấp 33 giấy phép cho các tập đoàn dầu khí lớn nhất thế giới của cả 4 châu lục: Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Úc, và Châu Á theo các hợp đồng phân chia sản phẩm để thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam. Lĩnh vực khách sạn và du lịch cũng tỏ ra là một đối tượng hấp dẫn các TNC, vì các lĩnh vực này đầu tư vốn ít và thu hồi vốn nhanh lợi nhuận cao đặc biệt phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy đến cuối năm 1998, Việt Nam đã có 237 dự án đầu tư xây dựng khách sạn. Đây là lĩnh vực hoạt động dịch vụ dễ sinh lời nên Việt Nam đang cố gắng phát triển thu hút các TNC lớn vào lĩnh vực này. Việt Nam cũng đã chú trọng phát triển và thu hút các tnc vào lĩnh vực bưu chính viễn thông. Đây là lĩnh vực dịch vụ cao cấp nền kinh tế hiện đại và từ một nền tảng không đáng kể đây còn là lĩnh vực mà Việt Nam có thể thực hiện phương châm đi tắt đón đầu để thu hút những công nghệ tiên tiến nhất.

d. Sự hiện diện của các tnc tại Việt Nam được tồn tại dưới hình thức liên doanh là phổ biến và đối tác liên doanh với các nước TNC từ phía việt nam lại phổ biến là các doanh nghiệp nhà nước.

Từ những năm 1988 đến năm 1999, hình thức liên doanh chiếm 61% số dự án và 70% tổng số vốn cam kết đầu tư. Sự liên doanh giữa các TNC là các công ty tư nhân công ty cổ phần với các doanh nghiệp việt nam chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước.

e. Việt Nam đã tạo dựng môi trường đầu tư nhằm hấp dẫn các tnc kinh doanh công nghiệp dịch vụ bằng việc thu hút đầu tư và mở rộng mạnh mẽ các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao.

Việt Nam nhất thiết phải có những chiến lược của riêng mình để thu hút hiệu quả hoạt động của các TNC. Khắc phục tình trạng yếu kém về hạ tầng cơ sở vật chất và để cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể phát huy ngay được hiệu quả được thụ hưởng các ưu đãi của nhà nước. Chính phủ Việt Nam đã đáp ứng các yêu cầu của các TNC bằng việc phát triển đồng thời cả khu công nghiệp và khu chế xuất nếu như khu chế xuất hướng chủ yếu vào thị trường xuất khẩu thì khu công nghiệp cùng lúc có thể đáp ứng cả yêu cầu xuất khẩu và yêu cầu phục vụ thị trường nội địa. Như vậy việc xây dựng khu công nghiệp khu chế xuất và khu công nghệ cao trở thành tầng cơ sở và khung môi trường đầu tư cho mọi TNC hiện đại vừa và nhỏ đều có thể thâm nhập vào thị trường Việt Nam.

2. Tác động của các công ty xuyên quốc gia đối với nền kinh tế quốc dân Việt Nam

a. Các TNC ngày càng có tác động tích cực đối với sự nghiệp cải cách và đổi mới nền kinh tế Việt Nam.

- Sự hiện diện của TNC đồng nghĩa với việc cung cấp một nguồn vốn quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hoá của đất nước.

- Các TNC đã đóng góp phần tích cực trong việc thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

- Các TNC tham gia tích cực vào việc duy trì nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định cho nền kinh tế mở rộng xuất khẩu tăng nguồn thu ngân sách.

- Giải quyết số lượng lớn lao động tham gia phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

- Sự có mặt của các TNC với tính cách là diễn viên và đạo diễn chính của thị trường kinh tế thế giới đã và đang là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự nghiệp chuyển đổi sang kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

b. Những nhược điểm và một số tác động tiêu cực của TNC tại Việt Nam

Mục tiêu của các TNC là lợi nhuận thị phần doanh số ưu thế cạnh tranh và phát triển ổn định nó thường xuyên mâu thuẫn với mục tiêu của chiến lược chung

về phát triển kinh tế xã hội của nhà nước ta là tăng trưởng đồng đều cao và bền vững.

Các TNC lớn nhất là các tnc đến từ châu âu và châu mỹ còn dè dặt trong việc đầu tư vào Việt Nam.

Một số TNC lạm dụng các ưu thế về vốn công nghệ để thao túng và gây hậu quả xấu cho liên doanh thậm chí có TNC gây sức ép với các cơ quan quản lý nhà nước.

Một số vấn đề yếu kém trong hoạt động của TNC nhìn từ phía công tác chuẩn bị và vai trò hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước, có 6 vấn đề cần phải được quan tâm: khi đã coi vốn đầu tư nước ngoài như một bộ phận của tổng đầu tư xã hội việc đối xử với sự hiện diện của TNC cũng phải bình đẳng như mọi loại hình kinh doanh khác trong nền kinh tế việt nam, cảnh giác với những biểu hiện sai trái trong hoạt động của các TNC, các TNC vào Việt Nam phải hoạt động theo pháp luật của ta và theo thông lệ quốc tế, cần phải loại bỏ chơ chế hạn ngạch nhập khẩu phức tạp, khoảng cách giữa nguyên tắc được cam kết trong luật đầu tư với xử lý thực tế là quá xa nhau, cải cách đồng loạt cả chính sách kinh tế vĩ mô.

3. Những vấn đề đặt ra hiện nay đối với hoạt động và thu hút TNC ở Việt Nam.

Sự cần thiết phải thống nhất trong toàn xã hội về quan điểm đối với các doanh nghiệp có vốn nước ngoài và các công ty xuyên quốc gia.

Công tác hoạch định chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài còn chậm chưa rõ ràng và chất lượng chưa cao.

Hiệu quả kinh doanh còn thấp trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Hệ thống pháp luật chính sách thiếu đồng bộ chưa đảm bảo tính rõ ràng và khả năng dự đoán được cho các nhà đầu tư.

Công tác quản lý nhà nước đối với fdi còn chưa có tác động thúc đẩy hứng khởi đầu tư của các TNC. Vấn đề đội ngũ cán bộ quản lý công chức và công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

KẾT LUẬN

Sự phát triển của lượng sản xuất dưới tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất hình thành các xí nghiệp có quy mô lớn trong điều kiện phát triển của khoa học kỹ thuật sự tác động của quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản như quy luật giá trị thặng dư, quy luật tích lũy... ngày càng mạnh mẽ làm biến đổi cơ cấu kinh tế của xã hội theo hướng tập trung sản xuất quy mô lớn. Với sự phát triển quan hệ quốc tế làm cho các công ty tư bản liên minh với nhau sản xuất và phân phối hàng hoá trên thị trường thế giới đã hình thành nên các công ty độc quyền quốc tế. Khi nghiên cứu sự hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế nói chung và các tổ chức độc quyền quốc tế xuyên quốc gia nói riêng phải xuất phát từ sự tích tụ và tập trung sản xuất. Tích tụ và tập trung sản xuất đạt đến một mức độ nhất định làm cho các nhà độc quyền quốc gia vượt ra khỏi biên giới quốc gia hoạt động trên phạm vi quốc tế thực hiện phân chia thế giới về mặt kinh tế. Tập trung sản xuất có bước phát triển mới thì xuất khẩu tư bản cũng được đẩy mạnh và trở thành cơ sở kinh tế quan trọng của sự mở rộng phạm vi hoạt động quốc tế của các công ty xuyên quốc gia.

Chính vì thế em chọn đề tài nghiên cứu về các công ty xuyên quốc gia, để thấy rõ “BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CÔNG TY XUYỀN QUỐC GIA” trong việc phát triển nền kinh tế không những trên thế giới mà ngay tại Việt Nam nó đóng góp phần rất quan trọng trong việc tăng trưởng kinh tế.